

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 22 tháng 3 năm 2022  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, kiện đòi tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Phương Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Vượng.
2. Ông Nguyễn Văn Chi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tống Lan Hương - Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 327/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXX-ST ngày 11 tháng 02 năm 2022, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 175/TB-TA ngày 09 tháng 03 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Tô Thị P, sinh năm 1995; HKTT: Thôn Lục, xã Tân Mỹ, thành phố B, tỉnh Bắc G; Nơi ở hiện tại: Thôn M, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh V.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Tô Thị P (về vấn đề chia tài sản khi ly hôn): Ông Lê Nguyên Tuấn A, sinh năm 1995; Địa chỉ: Số 55, ngõ 159 Pháo Đài L, phường Láng T, quận Đ, thành phố H.

(Chị P, ông Tuấn A có mặt)

**2. Bị đơn:** Anh Trịnh Văn Th, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số nhà 91, ngõ 91, thôn L, xã TM, thành phố B, tỉnh B.

(Anh Th có mặt)

**3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông Trịnh Văn T1, sinh năm 1966 và bà Chu Thị H, sinh năm 1967; Điều địa chỉ: Số nhà 91, ngõ 91, thôn L, xã TM, thành phố B, tỉnh B.

(Ông T1, bà H đều xin vắng mặt)

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Tô Thị P:  
Ông Lê Anh N - Luật sư Công ty Luật TNHH HR; Địa chỉ: Số 55, ngõ 159 Phố  
Đài L, phường Láng T, quận Đ, thành phố HN. (Ông N có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn  
là chị Tô Thị P trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trịnh Văn Th đăng ký kết hôn ngày 09/09/2016 tại UBND xã TM, thành phố B, tỉnh B. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận. Từ sau khi sinh cháu Trịnh Minh Kh vào tháng 8 năm 2017, vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm về vấn đề chăm sóc con cái. Hơn thế nữa, chồng chị cũng như bố mẹ chồng chị không phụ giúp chị được nhiều trong việc chăm con trong thời gian chị vừa sinh cháu. Do sức khỏe yếu, cần có người phụ giúp trông con nên đến ngày 25/9/2017, sau khi cháu Kh đầy tháng, chị xin về nhà ngoại ở. Trong thời gian chị ở nhà ngoại, chồng chị không chu cấp tiền, một mình chị phải chăm sóc, lo mọi chi phí nuôi con. Những lần cháu Kh ốm phải đi viện, gia đình chồng không quan tâm, hỏi thăm tình hình sức khỏe cháu Kh, anh Th cũng không về phụ chị chăm con. Chị ở nhà đến ngày 29 Tết âm lịch năm 2017 sang năm 2018 thì về nhà chồng ăn Tết. Tuy nhiên, đến mừng 5 Tết thì chị lại về nhà đẻ vì khi ở nhà chồng, bố mẹ chồng và chồng chị không đưa mẹ con chị con đi viện khám khi chị và cháu Kh đang ốm. Chị và cháu Kh ở nhà ngoại đến tháng 9/2020 thì về nhà chồng sinh sống. Trong thời gian khoảng 3 năm chị và cháu Kh ở nhà ngoại, chồng chị hiếm khi gửi tiền cho chị để chăm con. Tháng 6/2021, dịch covid 19 bùng phát mạnh tại Bắc Giang và Bắc Ninh nên công ty yêu cầu công nhân phải lưu trú tại công ty. Đến ngày 19/9/2021, chị được công ty cho về thăm nhà. Khi chị về nhà, bố mẹ chồng chị và chồng chị ngăn không chị vào nhà, không cho chị gặp con. Vì chồng chị không tin tưởng chị khi chị đi làm và lưu trú tại công ty. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc, vun đắp cho gia đình, cuộc sống hôn nhân rơi vào bế tắc nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh Trịnh Văn Th.

- Về con chung: Chị và anh Th có 01 con chung là Trịnh Minh Kh sinh ngày 20/8/2017. Hiện nay cháu Kh đang ở cùng với anh Th. Sau khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam tại YP, YT, Bắc N, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng nên đủ điều kiện nuôi con. Chị là người chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kh nhiều nhất kể từ khi cháu Kh sinh ra đến nay. Nếu được nuôi con, chị và cháu Kh sẽ cùng nhau sinh sống tại

một ngôi nhà riêng mà bố mẹ đẻ tặng cho chị tại thôn M, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh V. Chị sẽ bắt đầu công việc mới gần nhà để có nhiều thời gian chăm con hơn. Bố mẹ đẻ chị cũng có nhiều thời gian nên có thể phụ giúp chị trông con. Cháu Kh có thời gian dài ở cùng bố mẹ đẻ chị và chị. Chị đã làm thủ tục xin cho cháu Kh học tại trường Mầm non Đ ngay gần nhà riêng mà chị đang ở nên rất tiện cho việc đưa đón cháu Kh đi học sau này.

Chị không đồng ý để anh Th được nuôi con vì anh Th làm công việc kinh doanh tự do, thu nhập không ổn định. Anh Th từng có hành vi đánh, chửi chị khi chị về nhà thăm con ngày 19/9/2021, hành vi đó là bạo lực gia đình. Hiện tại, chị và anh Th chưa ly hôn nhưng anh Th luôn có cảm căm chị và cháu Kh gặp nhau.

- Về tài sản chung: Chị và anh Th có tài sản chung là 200.000.000 đồng. Số tiền này, vợ chồng chị tích góp để mua đất ra ở riêng. Khi bố mẹ chồng chị xây nhà, vợ chồng chị đã đưa cho bố mẹ chồng chị số tiền 200.000.000 đồng này. Anh Th và bố mẹ chồng chị trình bày số tiền 200.000.000 đồng đó là tiền của vợ chồng chị biểu bố mẹ chồng chị là không đúng. Chị không đồng ý với ý kiến này của anh Th và bố mẹ chồng chị. Sau khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án buộc bố mẹ chồng chị (ông Trịnh Văn T1 và bà Chu Thị H) phải trả cho chị số tiền 100.000.000 đồng.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị và anh Th không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Theo các bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Trịnh Văn Th trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Tô Thị P đăng ký kết hôn ngày 9/9/2016 tại UBND xã TM, thành phố B, tỉnh B. Anh và chị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hai bên gia đình có tổ chức hôn lễ cho anh chị theo phong tục tập quán tại địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống với bố mẹ đẻ anh tại thôn L, xã TM, thành phố B, tỉnh B. Những năm đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đồng lòng làm ăn kinh tế, xây dựng gia đình. Thời gian chị P ở nhà bố mẹ đẻ tại VP, anh phát hiện chị P có mối quan hệ không bình thường với một đồng nghiệp nam cùng công ty. Từ đó, vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Tháng 9/2019, anh đón mẹ con chị P từ VP về nhà anh sinh sống. Thời gian này, chị P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với bố mẹ đẻ anh. Vì không muốn những mâu thuẫn này ảnh hưởng đến gia đình và con cái, anh nhiều lần khuyên nhủ chị P nhưng chị P không những không lắng nghe mà còn cãi vã, to tiếng, có nhiều lời nói, xưng hô không tôn trọng, xúc phạm anh. Khoảng tháng 7/2021, bố mẹ anh phá nhà cũ, xây nhà mới để bố mẹ anh và vợ chồng anh cùng sinh sống thoải mái, thuận tiện hơn nhưng chị P không đồng ý ở cùng gia đình chồng, yêu cầu anh phải nói với bố mẹ anh chia đất để xây nhà ở riêng. Đỉnh điểm mâu thuẫn là chiều tối ngày 18/9/2021, chị P đi làm về sau thời gian lưu trú 2 tháng tại công ty, khi về đến nhà chị P không vào nhà

chào hỏi bố mẹ anh, đứng ngoài cửa to tiếng và có những lời nói xung hô, không tôn trọng, xúc phạm danh dự bố mẹ anh. Từ những mâu thuẫn phát sinh nêu trên và sự bất đồng quan điểm giữa vợ và chồng trong cuộc sống hàng ngày, dẫn đến mức độ mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Gia đình anh đã khuyên ngăn và hòa giải nhưng tình cảm giữa anh và chị P không thể hàn gắn. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị P xin ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị P có 01 con chung là Trịnh Minh Kh sinh ngày 20/8/2017. Hiện nay cháu Kh đang ở cùng với anh. Sau khi ly hôn, anh đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh có cửa hàng kinh doanh (đại lý của nhãn hàng Thanh M, chuyên kinh doanh dầu gội đầu và một số sản phẩm khác tại địa chỉ khu dân cư Mới (cạnh UBND xã T), huyện VY, tỉnh B. Thu nhập khoảng 10.000.000 đồng -15.000.000 đồng/tháng. Cháu Kh hiện đang sinh sống cùng anh và bố mẹ anh tại ngôi nhà có diện tích sàn hơn 200m<sup>2</sup>, sân cửa rộng, thoáng mát, sạch sẽ. Nơi anh đang việc và trường mầm non cháu Kh đang học và nơi gia đình anh sinh sống đều có khoảng cách rất gần, thuận tiện cho việc đưa đón và chăm sóc cháu Kh.

Anh không trí để chị P nuôi con chung vì công việc hiện tại chị P đang làm cách nơi ở gần 50 km. Thời gian chủ yếu trong ngày của chị P chủ yếu là đi làm việc ở công ty (sáng phải dậy sớm từ 5h để đi làm và kết thúc ca làm việc về đến nhà khoảng 21h) nên không có nhiều thời gian để chăm con. Chị P trình bày sau khi ly hôn sẽ bắt đầu công việc mới gần nhà nhưng không có chứng cứ chứng minh. Chị P trình bày được bố mẹ để tặng cho ngôi nhà riêng nhưng tại Biên bản họp gia đình ngày 15/11/2021 mà chị P cung cấp chỉ thể hiện việc tặng cho nhà 02 tầng, không rõ là chỉ tặng nhà hay tặng cho cả nhà và đất. Chị P trình bày, trong thời gian chị P ở nhà để anh không thường xuyên quan tâm đến vợ con và không chu cấp cho chị P nuôi con là không đúng. Khi có thời gian nghỉ, anh đều lên thăm vợ con và thường xuyên đưa tiền cho chị P để lo cho con.

- Về tài sản chung: Khi bố mẹ anh xây nhà vào khoảng đầu năm 2021, anh và chị P có cho bố mẹ anh 200.000.000 đồng. Số tiền này do vợ chồng anh tích góp được. Khi anh và chị P cùng đưa tiền cho bố anh để xây nhà thì anh và chị P đều nhất trí cho bố mẹ anh số tiền 200.000.000 đồng để xây nhà. Do vậy, đối với yêu cầu của chị P yêu cầu bố mẹ anh là ông T1, bà H phải trả chị P số tiền 100.000.000, quan điểm của anh là anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản: Anh và chị P không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Văn T1 trình bày:**

Anh Th và chị P kết hôn tháng 9/2016 sau một thời gian tự do tìm hiểu và có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và

có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, anh Th và chị P sinh sống cùng gia đình ông. Chị P tuy về sinh sống cùng gia đình ông nhưng sau khi sinh con được một tháng (khoảng tháng 9/2017) thì chị P xin phép về nhà đẻ sinh sống. Đến tận tháng 12/2019 thì anh Th mới đón mẹ con chị P về. Trong quá trình anh Th và chị P sinh sống cùng gia đình ông thì không có mâu thuẫn gì, chỉ mãi đến tháng 7/2021 khi vợ chồng ông xây nhà mới thì anh Th, chị P mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị P muốn vợ chồng ông chia đất cho vợ chồng chị P anh Th để ra ở riêng. Nay chị P xin ly hôn, ông đề nghị Tòa án động viên để chị P anh Th đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành.

Chị P và anh Th có 01 con chung là Trịnh Minh Kh, sinh ngày 20/8/2017 hiện nay đang ở cùng vợ chồng ông và anh Th. Hiện nay anh Th đang kinh doanh bên ngoài, chị P làm ở khu công nghiệp Sam Sung Bắc Ninh. Thu nhập của anh Th, chị P bao nhiêu ông không rõ vì trong quá trình chung sống cùng chị P anh Th, vợ chồng ông vẫn tự chủ động về kinh tế trong gia đình.

Ông thừa nhận khi vợ chồng ông xây nhà thì chị P, anh Th có đưa cho vợ chồng ông 200.000.000 đồng. Khi đó, chị P và anh Th đều trực tiếp đưa tiền cho ông và nói rõ là cho vợ chồng ông để xây nhà. Ông không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án này, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Chu Thị H trình bày:** Bà nhất trí ý kiến của ông T1 và anh Th trình bày tại Tòa án, không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án này.

\* Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập một số tài liệu, chứng cứ.

- Tại Biên bản làm việc ngày 11/3/2021, trưởng thôn L, xã TM, thành phố B, tỉnh B cung cấp như sau: Chị P và anh Th có mâu thuẫn từ cuối năm 2021 và đã ly thân, chị P đã về nhà đẻ sinh sống. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể là gì thì địa P không nắm được. Anh Th hiện làm công việc kinh doanh tự do, chị P làm công nhân, thu nhập cụ thể của anh Th, chị P như Th nào thì địa phương không rõ.

- Tại Biên bản làm việc ngày 03/11/2021, bà Nguyễn Thị M là mẹ đẻ của chị P cung cấp như sau: Tháng 6/2021, chị P và anh Th xảy ra mâu thuẫn, chị P về nhà đẻ sinh sống kể từ đó đến nay. Chị P có nói với bà nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong việc xây nhà. Bố mẹ chồng chị P có hứa cho đất để hai vợ chồng ở riêng nhưng sau khi chị P và anh Th đưa tiền thì ông bà lại xây nhà chung cho cả gia đình, không phải xây nhà riêng cho chị P và anh Th. Chị P không đồng ý nên đã về nhà bà ở. Nay chị P xin ly hôn anh Th, bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án giao cháu Trịnh Minh Kh cho chị P nuôi dưỡng vì cháu Kh từ bé sinh sống tại Vĩnh Phúc với vợ chồng bà và chị P một thời gian dài. Vợ chồng bà đều làm nông

ng nghiệp và lao động tự do nên cũng có nhiều thời gian để hỗ trợ chị P chăm nom con cái. Ngoài ra, hiện tại gia đình bà đã thống nhất tặng cho chị P 01 ngôi nhà tại tổ dân phố K, thị trấn Đ để chị P ổn định cuộc sống sau này.

- Tại Công văn số 121/CV-CSHS ngày 14/01/2022, Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh HY cung cấp: Ngày 11/3/2021, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh HY có Giấy triệu tập anh Th đến Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh HY để làm việc nội dung liên quan đến vụ án sử dụng công nghệ cao để tổ chức đánh bạc và đánh bạc vì tài khoản ngân hàng mang tên anh Th có liên quan đến tài khoản ngân hàng của các đối tượng tổ chức đánh bạc trong vụ án mà Cơ quan CSĐT Công an tỉnh HY đang điều tra. Tuy nhiên, đến nay anh Th chưa đến Phòng cảnh sát hình sự để làm việc nên Cơ quan điều tra chưa có căn cứ xử lý đối với anh Th.

\* Do chị P có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không hòa giải.

\* Tại phiên tòa hôm nay, ông T1, bà H xin vắng mặt.

\* Nguyên đơn chị Tô Thị P, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của chị Tô Thị P (về vấn đề chia tài sản khi ly hôn) thống nhất trình bày: Chị P và anh Th đều xác định không còn tình cảm, đều nhất trí ly hôn nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa chị P và anh Th. Đề nghị Tòa án giao con chung cho chị P nuôi dưỡng vì chị P có nơi ở, thu nhập ổn định. Sau khi ly hôn, chị P sẽ xin việc gần nhà, chị P có bố mẹ để hỗ trợ nên rất thuận tiện cho việc chăm con. Anh Th công việc không ổn định bằng chị P, nhà anh Th đang ở hiện nay là nhà bố mẹ đẻ anh Th, không phải nhà riêng của anh Th. Anh Th từng có hành vi ngăn cản chị P thăm con, bị Cơ quan Công an triệu tập đến làm việc nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc giao con cho anh Th là không phù hợp. Chị P xác định ngôi nhà vừa hoàn thiện và quyền sử dụng đất tại thôn L, xã TM, thành phố B đều thuộc quyền sở hữu của bố mẹ chồng chị. Chị không có yêu cầu gì đối với những tài sản này. Số tiền 200.000 đồng mà chị và anh Th đưa cho ông T1, bà H khi xây nhà là tiền anh chị cho ông T1, bà H vay. Nay chị yêu cầu ông T1, bà H trả chị số tiền 100.000.000 đồng.

\* Bị đơn anh Trịnh Văn Th trình bày: Bố mẹ anh tuổi cao nên không thể tham gia phiên tòa và đã có đơn đề nghị vắng mặt. Anh giữ nguyên các quan điểm đã trình bày tại Tòa án. Anh không nhất trí quan điểm của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đưa ra các căn cứ về công việc, nơi ở của anh không đảm bảo việc nuôi con. Công an tỉnh HY cũng đã có Công văn trả lời về việc anh bị triệu tập đến làm việc là chưa có căn cứ xử lý nên ý kiến của phía nguyên đơn là không có căn cứ. Anh xác định nhà và đất tại thôn L, xã TM, thành phố B đều thuộc quyền sở hữu của bố mẹ anh. Số tiền 200.000.000 đồng mà anh và chị P đưa cho ông T1, bà H khi xây nhà là tiền vợ chồng anh cho

bố mẹ anh để xây nhà. Anh không có ý kiến gì về số tiền này, cũng không có yêu cầu gì đối với ông T1, bà H.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

- Trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cơ bản chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 166 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Tô Thị P và anh Trịnh Văn Th.

+ Về con chung: Giao chị P nuôi con chung Trịnh Minh Kh sinh ngày 20/8/2017. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

+ Buộc ông Trịnh Văn T1 và bà Trịnh Thị H trả chị P số tiền 100.000.000 đồng

+ Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, ông T1, bà Hòa phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Tô Thị P xin ly hôn anh Trịnh Văn Th, yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông Trịnh Văn T1, bà Chu Thị H trả số tiền 100.000.000 đồng nên cần xác định quan hệ pháp luật là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con, kiện đòi tài sản” theo quy định tại Điều 51, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 166 Bộ luật dân sự. Bị đơn anh Trịnh Văn Th cư trú tại xã Tân Mỹ, thành phố B, tỉnh B. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền, đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Văn T1 và bà Chu Thị H có đơn xin vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố B xét xử vắng mặt ông T1, bà H là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh Th kết hôn ngày 09/9/2016 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Tại thời điểm kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã TM, thành phố B, tỉnh B và đã được

cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị P và anh Th đều xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Chị P và anh Th đã ly thân từ tháng 6/2021, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Chị P cương quyết ly hôn, đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, anh Th đồng ý ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị P và anh Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị P và anh Th.

[4] Về con chung:

[4.1] Chị P và anh Th có một con chung là Trịnh Minh Kh sinh ngày 20/8/2017. Sau khi ly hôn, chị P và anh Th đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, chị P và anh Th đều có việc làm, có thu nhập, nơi ở ổn định, đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, cháu Kh còn bé, rất cần sự chăm sóc của mẹ. Từ bé, cháu Kh chủ yếu sinh sống tại quê ngoại cùng chị P và bố mẹ đẻ chị P, đã phát triển rất tốt về mặt thể chất và tinh thần. Do vậy cần giao con chung Trịnh Minh Kh cho chị P nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4.3] Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn chị P xác định vợ chồng có tài sản chung là số tiền 200.000.000 đồng. Số tiền này, vợ chồng chị tích góp để mua đất ra ở riêng. Khi bố mẹ chồng chị xây nhà, vợ chồng chị đã đưa cho bố mẹ chồng chị số tiền 200.000.000 đồng trên. Chị đề nghị Tòa án buộc bố mẹ chồng chị (ông Trịnh Văn T1 và bà Chu Thị H) phải trả cho chị số tiền 100.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, các đương sự đều thừa nhận ngôi nhà vừa hoàn thiện và quyền sử dụng đất tại thôn L, xã TM đều thuộc sở hữu của ông T1, bà H; anh Th, chị P không có yêu cầu gì, đề nghị xem xét gì đến những tài sản này. Tháng 7/2021, ông T1, bà H xây nhà, vợ chồng anh Th, chị P đưa cho ông T1, bà H số tiền 200.000.000 đồng. Chị P trình bày số tiền 200.000.000 đồng là tiền cho bố mẹ chồng “vay”. Anh Th, ông T1, bà H trình bày 200.000.000 đồng là do vợ chồng chị P, anh Th “cho”, tuy nhiên anh Th, ông T1, bà H không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc anh Th, chị P “cho” ông T1 bà H số tiền này nên cần chấp nhận đây là tiền của vợ chồng chị P, anh Th cho ông T1, bà H “vay”. Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự, cần buộc ông T1, bà H phải có nghĩa vụ trả chị P



số tiền 100.000.000 đồng, tương ứng với  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản chung của chị P, anh Th. Do anh Th không có yêu cầu gì về số tiền này nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, ông T1 và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 166 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Tô Thị P và anh Trịnh Văn Th.

2. Về con chung: Giao chị Tô Thị P nuôi con chung Trịnh Minh Kh sinh ngày 20/8/2017. Về cấp dưỡng nuôi con do các bên đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

3. Buộc ông Trịnh Văn T1 và bà Chu Thị H phải trả chị P số tiền 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 4.050.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001100 ngày 12/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Hoàn trả chị P số tiền 3.750.000 đồng.

Ông T1, bà H phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP. B;
- CCTHADS TP. B;
- TAND tỉnh B
- UBND xã TM, TP B, tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Nguyễn Phương Thảo**